

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 96/2019/HS-ST
Ngày 29 - 8 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Thông và bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Đặng Hồng T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 20/01/1976, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khôi T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ; con bà Nguyễn Thị D (đã chết); có vợ Cao Thị Hoài L và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013 T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đã chấp hành xong vào năm 2016.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2019 cho đến nay - Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976- vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm 9, xã C1, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977- vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện Q1, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/5/2019, bị cáo Đặng Hồng T đến ngã ba thị trấn T thuộc xã C1, huyện Q để bắt xe buýt vào Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nơi, do không đủ tiền mua vé xe nên T đi bộ ngược lên hướng thị xã T để bắt xe buýt về nhà. T vào quán nước nhà chị Nguyễn Thị C, địa chỉ: Xóm 9, xã C1, huyện Q, hỏi mua nước, nhưng không có ai trả lời. T thấy trong nhà chị C có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave

anhpha màu xanh đen bạc, BKS: 37L2- 018.09 đang cắm chìa khóa trong ổ khóa. T lấy trộm chiếc xe này, nổ máy chạy lên huyện Q1, vào nhà anh Nguyễn Văn T1 để lại chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được làm tin và vay anh T1 3000.000 đồng; T đã tiêu xài còn lại 160.000 đồng. Sau đó, anh T1 đã thay biển số xe 37L2- 018.09 bằng biển số mà anh nhặt được trước đây là 37G1- 102.36.

Ngày 27/5/2019, chị Nguyễn Thị C đến Ban Công an xã C1 trình báo việc mất xe máy. Ngày 29/5/2019 T đến Ban Công an xã N, huyện Q1 đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 121/BKLĐGTS ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Q kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Wave anpha, BKS: 37L2- 018.09 mà T trộm cắp của chị Nguyễn Thị C vào ngày 27/5/2019 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Tại cơ quan CSĐT, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô màu xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha, BKS: 37L2- 018.09 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị C, nên ngày 05/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu; 01 chiếc điện thoại Nokia 1020 màu đen đã qua sử dụng, gắn thẻ sim số 0388.858.890 của T và 01 chứng minh nhân số 182006101 mang tên Đặng Hồng T được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q chờ xử lý; 160.000 đồng là tiền T có được do để lại chiếc xe mô tô trộm cắp cho anh T1 để vay tiền, hiện đã bị tạm giữ chờ xử lý.

* Về dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị C đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nữa.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh Nguyễn Văn T1 đã đưa cho T vay, nay anh T không yêu cầu T phải trả lại.

Bản cáo trạng số 92/CT-VKS- HS ngày 01/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Đặng Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Q giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo T từ 06- 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 160.000 đồng là số tiền còn lại mà T mượn của anh Nguyễn Văn T1, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động Nokia 1020 màu đen, gắn thẻ sim số 0388.858.890 và 01 chứng minh nhân số 182006101 mang tên Đặng Hồng T, là các tài sản hợp pháp của bị cáo và không liên quan đến việc phạm tội. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì nữa, nên miễn xét. Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh T1 đã đưa cho T vay, nay anh T không yêu cầu T phải trả lại, miễn xét.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản người bị hại khai báo bị mất. Sự phù hợp, thống nhất của các chứng cứ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/5/2019 tại nhà chị Nguyễn Thị C, tại xóm 9, xã C1, huyện Q, lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Đặng Hồng T đã lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô màu xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha, BKS: 37L2- 018.09 của chị Nguyễn Thị C, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Hành vi của bị cáo T có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng; khi thực hiện tội phạm, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình; hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Do nghiện ngập, cần tiền mua ma túy để thỏa mãn cơn nghiện mà T cố tình phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, do đó cần xử phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện để cải tạo, giáo dục, cai nghiện cho bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đáng kể cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện, không có nghề nghiệp nên không phạt tiền bổ sung.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha, BKS: 37L2- 018.09 cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Trả lại cho bị cáo 160.000 đồng là số tiền vay của anh Nguyễn Văn T1, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động Nokia 1020 màu đen, gắn thẻ sim số 0388.858.890 và 01 chứng minh nhân số 182006101 mang tên Đặng Hồng T, vì không liên quan đến việc phạm tội.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận đủ tài sản, không yêu cầu gì nữa nên miễn xét.
Người liên quan anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, nên miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đặng Hồng T 09 (chín) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/5/2019.

* Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; (đặc điểm vật chứng theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3591.0.9014412.00000 ngày 18/7/2019 của Công an huyện Q nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Q).

- Trả lại cho bị cáo T chiếc điện thoại di động Nokia 1020 màu đen, gắn thẻ sim số 0388.858.890 và 01 chứng minh nhân số 182006101 mang tên Đặng Hồng T; (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng được lập vào hồi 14 giờ 10 phút ngày 02/8/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Q với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Đặng Hồng T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người có QL, NV liên quan;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan Điều tra huyện Q;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Q;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND phường H, TX T (để biết);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

(Đã ký)

Hồ Đạt Nghiệm

